

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUỸ III NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số QĐ-BVĐK ngày / /2025 của Bệnh viện ĐK tỉnh Ninh Bình)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu - chi sự nghiệp tại đơn vị				
1	Số thu sự nghiệp	1,005,845 đ	272,204	27.06	120.02
	Thu giá viện phí	905,983	253,665	28.00	121.12
	Thu từ BHYT	683,553	185,465		
	Thu trực tiếp từ bệnh nhân	222,430	68,200		
1.2	Thu khác	99,861	18,539	18.56	92.17
	Nhà thuốc	86,358	11,479		
	Thu hoạt động khác	13,503	7,060		
2	Chi từ nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị	879,659	209,249	23.79	130.91
2.1	Chi sự nghiệp y tế	705,605	167,810	23.78	130.70
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên. Trong đó:	705,605	167,810	23.78	130.70
	- Chi cho con người	238,115	47,022		
	- Chi mua sắm hàng hóa dịch vụ	47,591	18,146		
	- Chi mua sắm TS, s/c phục vụ chuyên môn (bao gồm đặt máy)	337,732	82,863		
	- Chi nhà thuốc	66,020	8,594		
	- Chi khác	6,758	9,130		
	- Nộp ngân sách, lãi vay ODA	9,389	2,055		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	174,054	41,439	23.81	131.77
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ. Trong đó:	174,054	41,439	23.81	131.77
	- Chi cho con người	59,529	11,755		
	- Chi mua sắm hàng hóa dịch vụ	11,898	4,536		
	- Chi mua sắm, s/c phục vụ chuyên môn	84,433	20,716		
	- Chi nhà thuốc	16,505	2,149		
	- Chi khác	1,689	2,283		
	- Nộp ngân sách				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				